

I và Y

Vị-trí Xuất-hiện và Trường-hợp Bất-nhất

1. Mở đầu

Chữ viết của người Việt-nam hiện nay chưa được tiêu-chuẩn-hoá. Mà dù có những đề-nghị đúng-đắn và hợp-lí cũng có nhiều người, vì lí-do nào đó, cố-tình không theo. Ngoài những chữ đã được mọi người đương-nhiên chấp-nhận, như trời (không viết là chời, trừ phi ghi âm tiếng địa-phương "chời"), trâu bò khác với châu-báu, v.v. Có rất nhiều chữ, mỗi người viết một cách, người viết chế-riều, người viết chế-giều, người viết chế-diều; có người viết làm dùm, có người viết làm giùm, v.v. Sự khác nhau có thể vì tiếng địa-phương hoặc viết bừa-bãi theo sự suy-đoán của riêng mình. Còn có một trường-hợp bất-nhất khác không phải do tiếng địa-phương, cũng không vì lí-do nào chính-đáng. Đó là trường-hợp i và y.

2. Kí-hiệu và âm

Trong một hệ-thống chữ viết, mỗi chữ cái được viết bằng một kí-hiệu. Mỗi kí-hiệu có một nhiệm-vụ và một công-dụng riêng. Kí-hiệu khác nhau, tất nhiên phải (1) ghi âm khác nhau; (2) nếu cùng ghi một âm, mỗi kí-hiệu có một vị-trí xuất-hiện (= hoàn-cảnh phân-bố) khác biệt.

Thí-dụ 1: ba kí-hiệu p, ph, h ghi ba âm [p f h]
 p là kí-hiệu của âm [p]
 ph là kí-hiệu của âm [f]
 h là kí-hiệu của âm [h]

(Phần trong ngoặc vuông [] là lối ghi âm trong bảng "International Phonetic Alphabet".)

Thí dụ 2: Ba kí-hiệu c, k, q là ba lối viết của một âm vị /k/. Mỗi kí-hiệu có một vị-trí xuất-hiện riêng.

2.1. k [k₁] đứng trước âm chính (=chính âm, mẫu âm, nguyên-âm) phía trước.

2.1.1. đứng trước i và có thể cả âm kèm (= vệ âm, tử-âm, phụ-âm) sau hay âm nửa (=bán-âm, bán-mẫu-âm, âm lướt) u: ki-cục, kim chỉ, kĩu-kịt.

2.1.2. đứng trước ia: kia kìa.

2.1.3. đứng trước iê và âm kèm sau hay âm nửa u: kiệt-quê, kiểu-cách.

2.1.4. đứng trước ê và có thể cả âm kèm sau hay âm nửa u: kẻ-lẻ, kêu-ca.

2.1.5. đứng trước e và có thể cả âm kèm sau hay âm nửa o: thước kẻ, kén-chọn, kẻo-kệt.

2.2. q [k2] bao giờ cũng đứng trước âm nửa u: qua, quan, quát-tháo, quau-quọ.

2.3. c [k3] xuất-hiện trong các trường-hợp khác: ca, cam, cao, ac, úc, cúc.

3. Trường-hợp i và y

I và y cũng là kí-hiệu như các kí-hiệu khác. I và y có nhiệm-vụ và công-dụng riêng. Vị-trí xuất-hiện (=hoàn-cảnh phân-bố) của i và y rất rõ-ràng trong hệ-thống chữ viết của người Việt-nam.

3.1. **Nếu i và y là âm chính** (chính âm, mẫu-âm, nguyên-âm)

3.1.1. y đứng một mình: ý-tứ, àm-ỹ, ý-lại.

3.1.2. y đứng sau âm nửa u: uy-nghi, huy, tuy, quy, nguy, huỳnh, quynh, nguyệt.

3.1.3. i đứng sau âm kèm đầu: bi, chi, di, đi, gi, ghi.

3.1.4. i đứng trước âm kèm cuối hay âm nửa u: im-lặng, ít nhiều, iu.

3.2. **Nếu i và y là âm nửa** (=bán-âm, bán-mẫu-âm, bán-nguyên-âm, âm lướt).

3.2.1. Khi xuất-hiện với âm chính dài ngắn khác nhau, i đứng sau âm chính dài, y đứng sau âm chính ngắn:

ai	oi
ay	ây

3.2.2. Sau các âm chính khác, bao giờ cũng là i: ưi, ươi, uị, uôi, ôi, oì.

3.3. **I và y là một phần của âm chính ia/iê/ya/yê**

3.3.1. ia đứng một mình hay đứng sau âm kèm đầu: ia đáí, mía.

3.3.2. iê đứng sau âm kèm đầu và trước âm kèm cuối hay âm nửa u: tiên, tiêu.

3.3.3. yê đứng trước âm kèm cuối hay âm nửa u: yên, yêu.

3.3.4. yê đứng sau âm nửa u và đứng trước âm kèm cuối:

uyên

quyên

tuyệt

3.3.5. ya đứng sau âm nửa u: khuya.

3.3.6. ya đứng sau âm kèm g [z] trong lời giặt-gya.

3.4. **I là một phần của âm kèm gi [z]**

gia-đình

giặt-giã

thúc-giục

giờ-giấc, giáo-dục

4. Tình-trạng bất-nhất của i và y

Trong 14 vị-trí xuất-hiện vừa trình-bày

3.1.1. ý-tứ, àm-ỹ, ý-lại.

3.1.2. uy, huy, quy, huynh, quynh.

3.1.3. bi, chi, di, đi, gi, ghi.

3.1.4. chín, linh, đìu-hiu.

3.1.5. im-lặng, ít nhiều, ỉu.

3.2.1. ai, ay, ơi, ây.

3.2.2. ưi, ươi, ui, uôi, ôi, oi.

3.3.1. ỉa, mía.

3.3.2. tiên, tiêu.

3.3.3. yên, yêu

3.3.4. uyên, quyên, tuyệt.

3.3.5. khuya.

3.3.6. gya

3.4. gia, giấc, giục, giáo.

4.1. **Trường-hợp 3.1.1.**

4.1.1. ý-tứ, ý-lại.

4.1.2. ỳ-ạch /*ì-ạch

àm-ỹ/*âm-ĩ

Lỗi viết trong những lời có hoa thị * đã gây ra tình-trạng bất-nhất.

4.2. Trường-hợp 3.1.2.

Trong vị-trí xuất-hiện này, chỉ có sự đổi lẫn khi âm kèm đầu là q. Tuy-nhiên, cũng chỉ xảy ra trong một số chữ mà thôi:

quy	qui
quýt	quít
quynh	–
quých	–

Khi âm kèm cuối là nh hay ch, bao giờ âm chính cũng là y. Các chữ quy, quýt, quynh, quých phù-hợp với hai nguyên-tắc về sự chuyển-biến và phân-biệt:

1. I đổi thành y khi xuất-hiện sau âm nửa u:

thì	thùy
khi	khuy
tí	tuý
kì	quỳ
hình	huỳnh
khinh	khuyñh
kinh	quynh
hít	huýt
kít	quýt

2. ui [ui] khác với uy [wi]

hủi	khác với	huỷ
túi		tuý
thúi		thuý
cúi		quý

4.3. Trường-hợp 3.1.3.

4.3.1 Trong 22 âm kèm đầu đứng trước i, chỉ có 8 âm (h k l m s t v x) lâm vào tình-trạng bất-nhất. Sau tám âm kèm này, có người viết là i, có người viết i trong vài chữ và y trong một số chữ khác.

	-i	-y
1.	bi	– 1
2.	chi	–
3.	di	–
4.	đi	–
5.	gi	–
6.	ghi	–
7.	hi-hi, hi-hi	hy-vọng
8.	kí-cách	ký tên
9.	khi	–
10.	lí-nhí, li-lợm	lý-sự, lý-lịch
11.	bột mì, mí mắt	nước Mỹ, mỹ-viện
12.	ni	–
13.	nghi	–
14.	nhi	–
15.	phi	–
16.	ri	–
17.	sỉ-nhục	–
18.	tí-tách, tỉ-tê	cu Tý
19.	thi	–
20.	tri	–
21.	vì vậy, vĩ-đại	ông Vỹ
22.	xi	ông Xỹ (rất ít khi thấy)

Tám âm kèm đầu h, k, l, m, s, t, v, x thường được viết trước y lại không bao giờ đứng trước y trong nhiều lời:

vì vậy

lí-nhí

xì-xò

liêm-sỉ

sỉ-vả

sĩ-diện v.v.

4.3.2. Có thể trước đây có người viết y sau một âm kèm nào đó trong nhóm h, k, l, ... Dần-dần có người bắt chước. Về sau, số âm kèm xuất-hiện trước y

tăng thêm. Thường-thường, y ở trong tên người và địa-danh nhiều hơn các lời khác, thí-dụ: Hy, Kỳ, Ly, Mỹ, Sỹ, Tỷ, Vỹ.

4.3.3. Một vài người, khi bàn về i và y, bảo rằng y đứng sau một số âm kèm làm cho chữ viết thêm phong-phú, đỡ bị gò-bó, tù-túng trong khuôn-phép.

Tuy nói vậy, chính những người đó lại không chấp-nhận y sau những âm kèm họ không muốn.

Nếu y đứng sau h, k, l, m, s, t, v và x, cùng một âm [i] như vậy (mà chữ viết ngày nay có hai kí-hiệu i và y tùy theo vị-trí xuất-hiện), y cũng có thể đứng sau b, ch, d, đ, g, gh, kh, n, ngh, nh, ph, r, th, và tr. Nếu không chấp-nhận by, chy, dy, đy, gy, ghy, khy, ny, nghy, nhy, phy, ry, thy, try, lýt, lynh, tym, v.v. thì lí-do "làm cho chữ viết thêm phong-phú, đỡ bị gò-bó, tù-túng trong khuôn-phép" không đủ để biện-hộ cho hy, kỳ, ly, mỹ, sỹ, tỷ, vỹ (và ít lâu nay cả xỹ).

Hiện nay, đã có người viết tên là Thy, Lynh, v.v. Ít lâu nữa, những chữ đó có thể sẽ trở thành quen mắt và có người bắt chước.

4.3.4. Nếu sự bất-nhất giữa i và y còn tồn-tại, chắc-chắn còn nhiều câu hỏi được đặt ra. Thí-dụ, "[tỉ mĩ] viết tỉ-mĩ hay tử-mỹ?", "Tại sao [fi lí] không cùng viết là phi lí hay phy lý mà lại viết là phi lý?"

Hiện nay, không phải tất-cả mọi người Việt-nam viết như vậy, mà chỉ có một số người viết như vậy. Số người đó càng ngày càng đông thêm. Những gì lạ thường có nhiều người bắt chước. Thí-dụ, công mới là chữ Việt, thế mà có người viết là kông; dung mới là chữ Việt, nhưng vẫn có người viết là dzung. Càng gần người nước ngoài bao nhiêu, sự bắt chước càng nhiều bấy nhiêu.

4.3.5. Có người bảo i và y dùng để phân-biệt ý-nghĩa. Thí-dụ, i trong kì-cục, y trong quốc-kỳ.

Nếu ý-nghĩa là tiêu-chuẩn (như trong chữ Nôm ngày xưa, đá trong đám đá khác với đá trong sỏi đá²), chữ viết của người Việt-nam ngày nay sẽ gặp rất nhiều khó-khăn.

Thí-dụ 1: Minh trong thông-minh khác với minh trong u-minh. Chẳng lẽ phải viết một chữ là mynh?

Thí-dụ 2: Tân trong tân-học khác với tân trong tân-phổ, khác với tân trong tân-khách, v.v. Âm chính â trong mỗi chữ tân sẽ phải đổi? Đổi thế nào?

Xem thế đủ thấy ý-nghĩa không thể là tiêu-chuẩn phân-biệt chữ viết theo lối ghi âm.

5. Chấm dứt

Tóm lại, trong 14 vị-trí xuất-hiện của i và y, chỉ có một số chữ trong ba vị-trí lâm vào tình-trạng bất-nhất. Sự thay-đổi lúc đầu có tính-cách cá-nhân, nhưng dần dần có nhiều người bắt chước.

Về cách đọc, dù đổi y thành i (như âm-ỹ thành *âm-ĩ, y-ạch thành *i-ạch, ngụ-ý thành *ngụ-í, v.v.) hay đổi i thành y (như ti thành *ty, hi thành *hy, li thành *ly, v.v.) cũng không gây trở-ngại. Nhiều người không biết viết thế nào cho đúng. Mở từ-điển, có nhiều cuốn cũng lúng-túng [thí-dụ, *Từ Điển Việt Hán* của Nhóm Hà Thành (Bắc kinh: Thương Vụ, 1966), trang 1004 có tỉ mĩ, đến trang 1062 có tỷ mĩ.]

Để gìn-giữ chữ Việt đơn-giản trong cách viết và dễ-dàng khi dạy học, có lẽ giải-pháp bảo-vệ tính-cách đồng-nhất trong chữ viết hợp-lí hơn cả. Nhưng cho tới nay, người Việt-nam vẫn chưa có một đường-lối nào hữu-hiệu để thực-hiện.

1

Trong cuốn *Quốc-văn Giáo-khoa Thư* (Sách tập đọc và tập viết) Lớp Đồng-ấu của Trần-Trọng-Kim, Nguyễn-Văn-Ngọc, Đặng-Đình-Phúc và Đỗ-Thận do Nha Học-chính Đông-Pháp xuất-bản năm 1935 [in lại năm 1984 (?)], trang 27 có:

"...	bi	...	by
	li	...	ly
	ti	...	ty
	vi	...	vy
	hi	...	hy
	xi	...	xy
	di	...	
	ni	...	
	mi	...	my
	đi	...	
	ri	...	

si	...	sy
	...	
ki	...	ky
	...	
chi	...	
nhi	...	
thi	...	
phi	...	
khi	...	
tri	...	
gi	...	
	...	
qui	...	quy
ghi	...	
nghi	...	"

Bậc thầy của nhiều thế-hệ đã không nhìn thấy rõ mô-thức của chữ Quốc-ngữ. Đến lớp học-trò, dù ảnh-hưởng thầy, vẫn chỉ viết là bi, không chịu viết là by. Còn các trường-hợp khác, không được rập khuôn một cách đều-đặn. Li, ti, vi... thường bị bỏ quên. Ly, ty, vy... được noi theo một cách trung-thành, không lí-luận.

Trong cuốn *Việt-nam Văn-phạm* (in lần thứ bảy) của Trần Trọng Kim, Bùi Kỷ và Phạm Duy Khiêm, do Tân Việt xuất bản [tại Sài-gòn vào khoảng năm 1950 (?)], trang 15, tác-giả viết:

"...

AI, AY; UI, UY v.v.

Chữ I NGẮN và chữ Y DÀI chỉ khác nhau ở chỗ ấy mà thôi.

Cách dùng hai chữ ấy đứng sau một phụ-âm, thì không nhất-định; người ta có thể tùy ý mà viết:

LI hay LY, MI hay MY, QUI hay QUY

Nhưng khi có một âm I đứng liền trên chữ phụ-âm: CH, M, N, P, hay T, thì viết chữ I NGẮN.

ICH, IM, IN, IP, IT.

Đó chỉ là thói quen mà thôi, chứ không lấy gì làm chuẩn-đích nhất-định."

Cuốn sách được dùng làm tài-liệu giáo-khoa bao nhiêu năm mà còn lúng-túng như vậy, người học lầm-lẫn cũng chẳng phải là một điều lạ.

2

路 砢 đá trong đám đá và đá trong sỏi đá